

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 07/2009/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành khung giá tối thiểu áp dụng tính thuế

đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thuế Tài nguyên (sửa đổi) ngày 16 tháng 4 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế Tài nguyên (sửa đổi); Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 1998;

Căn cứ Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế Tài nguyên (sửa đổi) và Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 1998;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này khung giá tối thiểu áp dụng tính thuế đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Điều 2. Khung giá tối thiểu tại Điều 1 Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế khai thác tài nguyên nộp thuế theo kê khai, không chấp hành đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán theo chế độ quy định mà kê khai giá tính thuế đơn vị tài nguyên thấp hơn giá quy định tại Quyết định này thì áp dụng giá tính thuế theo Quyết định này, nếu giá kê khai cao hơn giá quy định tại Quyết định này thì áp dụng tính thuế theo giá kê khai.

Giao Cục trưởng Cục Thuế thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính căn cứ vào các hình thức khai thác tài nguyên và sử dụng chứng từ của đối tượng chịu thuế để có hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày, đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là năm ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ Công văn số 3329/UBT-HC ngày 29 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ) về việc giá tính thuế tài nguyên, Công văn số 3864/UB ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ) về việc giá nước thiên nhiên (làm mát máy) để thu thuế tài nguyên và Công văn số 2919/UB ngày 20 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ) về việc giá cước thiên nhiên (phục vụ sản xuất) để thu thuế tài nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KHUNG GIÁ TỐI THIỂU ÁP DỤNG TÍNH THUẾ
ĐỐI VỚI KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Nhóm loại tài nguyên thiên nhiên	Giá tính thuế
1	Khai thác cát đen (cát nền) đất san lấp mặt bằng, xây dựng các loại công trình	
	- Cát nền trên bãi	10.000đồng/m ³
	- Cát nền trên sông, đất	4.000đồng/m ³
2	Khai thác đất để sản xuất gạch, ngói, vật liệu xây dựng bằng đất khác	
	- Gạch thẻ, gạch ống, ngói, gạch,..	200đồng/viên

	- Gạch tàu	400đồng/viên
3	Sử dụng nước thiên nhiên: nước sông, nước ngầm,...(trừ nước do Công ty Cấp thoát nước cấp) để sản xuất bia, nước ngọt, nước đá	
	- Nước thiên nhiên phục vụ sản xuất (vệ sinh công nghiệp, dùng làm mát máy nhiệt điện, tạo hơi và phục vụ nhu cầu sản xuất khác)	600đồng/m ³
	- Nước ngọt (0,25lít/chai)	250đồng/chai
	- Bia chai (0,5 lít/chai)	600đồng/chai
	- Nước đá cây (50 kg/cây)	1.000đồng/cây
4	Khai thác động vật hoang dã (loại được phép khai thác)	
	- Rắn:	
	+ Rì voi, Hổ hèo	80.000đồng/kg
	+ Rì cá, Hổ hành	50.000đồng/kg

	+ Các loại rắn khác	40.000đồng/kg
	- Rùa	
	+ Rùa các loại	80.000đồng/kg
	+ Cua đĩnh	150.000đồng/kg
	- Chim	
	+ Chim cảnh các loại	30.000đồng/con
	+ Bìm bịp, le le	10.000đồng/con
	+ Chích, gà nước	8.000đồng/con
	+ Chằng nghịch, ốc cao	6.000đồng/con
	+ Các loại chim khác	4.000đồng/con

	- Dơi	
	+ Dơi quạ, dơi ngựa	20.000đồng/con
	+ Các loại dơi khác	8.000đồng/con
5	Khai thác thủy sản tự nhiên	
	- Cá và các loại thủy sản khác	20.000đồng/kg
	- Tôm	80.000đồng/kg